

Bản án số 47/2022/HC-PT

Ngày 04/3/2022

Về “*Khiếu quyết định hành chính, hành vi
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 336/2021/TLPT-HC ngày 15/11/2021 về “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1105/2022/QĐ-PT ngày 10/22/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: ông Vũ Đức V, có mặt;

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phạm Công H (địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (ông Võ Văn C - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk:

- Ông Trần Văn S - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

- Ông Phạm Văn P - Phó Chi cục trưởng Chi cục quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND và UBND thành phố B là ông Đoàn Ngọc T (Phó Chủ tịch UBND thành phố B), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B là ông Huỳnh N N (Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 174/GUQ-BCH ngày 10/6/2021 của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk là trung tá Nguyễn Giáo Thành (Chánh thanh tra Quốc Phòng, thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Lương Kim A; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị T; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.4. Bà Đoàn Thị Mỹ H; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Trọng N; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.6. Bà Phạm Thu H; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Vũ Đức V trình bày:

Tại **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** ngày 20/10/1984, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông V 600m² đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường phân lô; Phía Nam giáp sân bay L19; Phía Đông giáp đất ông H (người được cấp cùng thời với ông V); Phía Tây giáp đất sân bay L19, để làm nhà ở. Ngày 16/3/2006, để chuẩn bị làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông V làm *Đơn xin xác nhận cấp đất* xin xác nhận diện tích đất này ông V được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp không nằm trong khu vực quy hoạch đất quốc phòng, gia đình ông V đã sử dụng ổn định từ thời điểm được cấp đất, không có tranh chấp và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk đã xác nhận. Ngày 16/6/2006 khi gia đình ông V xây hàng rào bao quanh thửa đất thì Cán bộ địa chính phường T và Đội quản lý đô thị thành phố B lập biên bản về hành vi xây dựng tường rào trên đất lấn chiếm, không có giấy phép xây dựng. Ông V khiếu nại và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không được giải quyết.

Ngày 21/11/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND v/v bán đấu giá lô đất mà gia đình ông V đang sử dụng nên ông V khiếu nại, nhưng Trung tâm đấu giá thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk vẫn tổ chức bán đấu giá lô đất. Ông V khiếu nại thì ngày 17/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7654/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông V. Ông V tiếp tục khiếu nại thì ngày 01/01/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2365/QĐ-UBND không chấp nhận.

Theo ông V thì Quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk {cho rằng **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** ngày 20/10/1984 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk không hợp pháp vì Giấy đề ngày 20/10/1984 nhưng mẫu dấu đóng trên giấy là mẫu dấu của năm 1997} là không có cơ sở vì năm 1984 ông V được giao lô đất này, nhưng năm 1991-1992 Bộ Quốc phòng bàn giao đất về địa phương quản lý trong đó có đất đã giao cho ông V thì Chính quyền địa phương thông báo các hộ dân nộp lại Giấy giao đất cũ để cấp

giấy mới nên ông V đã nộp, nhưng ông V không yêu cầu viết biên nhận. Sau thời gian dài không thấy Chính quyền địa phương cấp Giấy mới nên ông V đến Ban chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk xin và được cấp **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDĐ** ngày 20/10/1984, đây là lý do giải thích việc mẫu dấu đóng trên Giấy này là mẫu dấu của năm 1997.

Theo ông V thì Quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk {cho rằng năm 1982 ông V đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 800m² đất để làm nhà nên không thể có việc năm 1984 ông V lại được cấp đất lần 2 diện tích 600m² và hiện không có hồ sơ lưu trữ cấp đất lần 2 cho ông V tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk} điều này là không đúng vì thực tế trong đơn vị của ông V vẫn có người được cấp đất 2 lần và cũng không có hồ sơ lưu; còn trên thực tế ông V đã sử dụng đất từ khi được cấp đến ngày 16/6/2006 xây tường rào bao quanh thì bị Đội quản lý Đô thị lập biên bản không cho xây dựng.

Vì các lý do trên, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông V đối với đất ông V được giao theo **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDĐ** ngày 20/10/1984, nhưng đã bị UBND thành phố B thu hồi, bán đấu giá.

- *Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Ông Vũ Đức V cho rằng các thửa đất số 49, 50, 51, 56, 57, 58 tờ bản đồ số 78 và thửa đất số 216, 217 tờ bản đồ số 79, tại phường T, thành phố B (đã thu hồi bán đấu giá) có nguồn gốc là đất ông V được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp tại **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDĐ** ngày 20/10/1984, diện tích 600m² và được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk xác nhận cấp đất ngày 16/3/2006 là không đúng vì:

+ Nguồn gốc các thửa đất này là đất thuộc Sân bay L19 (cũ), được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho UBND thị xã B quản lý, nhưng bị một số gia đình, cá nhân chiếm dụng canh tác. Để xác minh nguồn gốc đất UBND thành phố B đã thành lập Đoàn thanh tra việc sử dụng đất của 17 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông V. Ngày 28/9/2007, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Kết luận thanh tra số 101/KL-UBND, kết luận **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDĐ** đề ngày 20/10/1984 ghi là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông V 600m² đất, có chữ ký của Trưởng Ban doanh trại Lê Hồng K và Phó Chỉ huy trưởng Nguyễn Thái P, nhưng mẫu dấu đóng trên giấy là mẫu dấu sử dụng từ năm 1997 về sau này là không hợp pháp. Ngày 03/9/2019, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 1460/BCH-PCT khẳng định “*Hiện nay Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk chỉ lưu trữ hồ sơ kèm theo danh sách và Quyết định số 337/SDĐ ngày 25/12/1982 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk về việc cấp giấy cho sử dụng đất đối với ông Vũ Đức V, diện tích được cấp là 800m². Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk không lưu trữ hồ sơ về ông Vũ Đức V được cấp giấy cho sử dụng đất theo Quyết định số 839/SDĐ ngày 20/10/1984*”.

+ Ông V trong thời gian công tác, đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 800m² đất cũng thuộc đất Khu sân bay L19, tại **Giấy cho sử dụng đất số 337/SDD ngày 25/12/1982**. Sau khi được cấp đất, ông V lấn chiếm từ 800m² tăng lên 1.339m² và đã chuyển nhượng 1.224,7m² đất cho 07 hộ gia đình khác sử dụng; diện tích 114,3m² còn lại thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại 60 Lê Thánh Tông, thành phố B gia đình ông V đang sử dụng.

Vì những lý do trên, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B thống nhất với trình bày và đề nghị của UBND tỉnh Đắk Lắk.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Ông Vũ Đức V sinh năm 1955 cấp bậc Trung úy, chức vụ Đại đội trưởng đại đội 2, tiểu đoàn 6, bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, phục viên năm 1989. Quá trình làm việc, ông V đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 800m² thuộc Doanh trại Quân đội tại trường A11 tọa độ Khu Đại đội Công binh, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị) tại **Giấy cho sử dụng đất số 337/SDD ngày 25/12/1982**; ngoài diện tích đất này, ông V không được cấp thêm mảnh đất nào khác. Theo tài liệu mà ông V cung cấp đối với **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD ngày 20/10/1984** cấp cho ông V 600m² đất vị trí thuộc khu vực doanh trại đơn vị Trường A11 tại phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có chữ ký của Trưởng ban doanh trại Trung tá Lê Hồng K và Phó chỉ huy trưởng đại tá Nguyễn Thái P, thì Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk xác định Giấy cho sử dụng đất này sử dụng mẫu dấu không đúng thời điểm cấp đất và Giấy này không có trong hồ sơ lưu trữ tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk. Vì các lý do trên, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (những người trúng mua đấu giá các thửa đất UBND thành phố B thu hồi từ ông V và bán đấu giá) trình bày:* Họ đã trúng mua đấu giá đất hợp pháp, đã được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có người đã chuyển nhượng đất cho người khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7654 và yêu cầu hủy Quyết định số 2365 và yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất thì họ không có ý kiến mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:*

[1] Căn cứ khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; căn cứ vào Điều 18; Điều 21; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 36; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 43 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức V về các yêu cầu: *Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7654/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức V; Hủy Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức V; Buộc ủy ban nhân dân thành phố B khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, phải ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho ông đối với thửa đất số 49, 50, 51, 56, 57, 58, tờ bản đồ số 78 và thửa số 216, 217, tờ bản đồ số 79 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.*

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm Ông Vũ Đức V được miễn toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 11/10/2021, ông Vũ Đức V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện (ông V) giữ nguyên kháng cáo.

- Người bị kiện: vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông V.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Phiên tòa phúc thẩm triệu tập họp lệ đến lần thứ hai; Người bị kiện và Những người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người khởi kiện và đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tiến hành xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử phúc thẩm vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, đúng quan hệ tranh chấp và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung:

[2] Nguồn gốc các thửa đất mà hiện nay ông V tranh chấp (số 49, 50, 51, 56, 57, 58 tờ bản đồ số 78 và thửa 216, 217 tờ bản đồ số 79, phường T, thành phố B) trước đây thuộc đất Khu sân bay L19 (cũ) do Ban chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk quản lý sử dụng, sau đó bàn giao sang chính quyền và UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho UBND thị xã (nay là thành phố) B quản lý. Ngày 21/11/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7540/QĐ-UBND bán đấu giá các thửa đất này và đã bán đấu giá thành công, đã bàn giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người trúng mua đấu giá.

[3] Xem xét, giá trị các tài liệu ông V xuất trình {gồm **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** đề ngày 20/10/1984 nội dung ông V được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 600m² đất để làm nhà ở; *Đơn xin xác nhận cấp đất* của ông V, nội dung đề nghị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk xác nhận và *Trích lục sơ đồ cấp đất năm 1984*} thì thấy:

[3.1] Tại *Kết luận thanh tra* số 101/KL-UBND ngày 28/9/2007 của Chủ tịch UBND thành phố B kết luận **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** đề ngày 20/10/1984 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, nội dung cấp cho ông V 600m² đất tại sân bay L19 (cũ) có chữ ký của Trưởng Ban doanh trại Lê Hồng K và Phó Chỉ huy trưởng Nguyễn Thái P ký ngày 20/10/1984, nhưng sử dụng mẫu dấu từ năm 1997 trở về sau là không hợp pháp; dấu được sử dụng là dấu (mới) bằng đồng có từ quý III năm 1997 là khác với dấu (cũ) bằng gỗ sử dụng trước đó vì dấu (cũ) ghi “BỘ CHỈ HUY QS TỈNH ĐẮC LẮK”, còn dấu (mới) ghi “BỘ C.H.Q.S TỈNH ĐẮC LẮK”. Mặt khác, **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** đề ngày 20/10/1984, nhưng lại ghi căn cứ để ban hành Giấy cấp đất này là Nghị quyết hội nghị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk họp năm 1980 (không ghi ngày tháng) là không phù hợp vì cuộc họp (nếu có) không ghi ngày, tháng và thời gian từ khi có Nghị quyết (nếu có) đến khi ban hành Giấy cấp đất cách nhau 4 năm.

[3.2] **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD** đề ngày 20/10/1984 ghi “*Xét tình hình đời sống cán bộ quân nhân chuyên nghiệp công nhân viên quốc phòng hiện đang công tác trong quân đội và cán bộ quân đội về hưu hiện không có chỗ ở. Trích nghị quyết hội nghị bộ chỉ huy quân sự họp ngày...tháng ...năm 1980*”. Như vậy, căn cứ để được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp đất là cán bộ quân nhân chuyên nghiệp công nhân viên quốc phòng hiện đang công tác trong quân đội và cán bộ quân đội về hưu hiện không có chỗ ở; tuy nhiên, ông V đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 800m² đất thuộc Doanh trại Quân đội tại trường A11 tọa độ Khu Đại đội Công binh, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại **Giấy cho sử dụng đất số 337/SDD ngày 25/12/1982** nên ông V không thuộc đối tượng được cấp đất. Thực tế, theo **Giấy cho sử dụng đất số 337/SDD** ngày 25/12/1982 thì ông V được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 800m² đất, nhưng ông V lấn chiếm tăng diện tích lên đến 1.339m² và đã chuyển nhượng 1.224,7m² đất cho 07 hộ gia đình khác sử dụng; còn lại 114,3m² đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại 60 Lê Thánh Tông, thành phố B hiện gia đình ông V vẫn đang sử dụng.

[3.3] Ông V cho rằng năm 1991-1992 sau khi Bộ Quốc phòng bàn giao đất về cho địa phương quản lý trong đó có đất của ông V thì Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Đắk Lắk thông báo cho các hộ dân sử dụng đất có giấy tờ sử dụng đất thì nộp lại để được cấp giấy giao đất mới nên ông V đã nộp **Giấy cho sử dụng đất số 839/SDD ngày 20/10/1984**, nhưng ông V không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh, trong khi UBND thành phố B và UBND tỉnh Đắk Lắk không thừa nhận việc này.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ và phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V (gồm yêu cầu Tòa án Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B ban hành Quyết định

thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông V đối với các thửa đất đã thu hồi, bán đấu giá) là có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông V kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Vũ Đức V, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; căn cứ vào Điều 18; Điều 21; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 36; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 43 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức V {gồm yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7654/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức V; hủy Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đức V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, phải ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho ông V đối với thửa đất số 49, 50, 51, 56, 57, 58, tờ bản đồ số 78 và thửa số 216, 217, tờ bản đồ số 79 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk}.

2. Về án phí: Ông V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân